

## Những sách nghiên cứu về nước Việt bằng ngoại ngữ

\*

Dưới đây chúng tôi sẽ nói về những sách sử do người ngoại quốc biên khảo về lịch sử Việt-Nam, và sách được ấn hành bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp giúp cho thế hệ trẻ không đọc được tiếng Việt có thể biết về lịch sử Việt-Nam. Sau đó sẽ có phần nói về những sách khảo cứu có từ khi người Tây phương đặt chân đến nước Việt.

\*

Đầu tiên chúng tôi xin giới thiệu đến quý vị một trong những quyển sách sử viết bằng tiếng Anh có tựa đề là *A History Of Vietnam, From Hong Bang to Tu Duc* của tác giả Oscar Chapuis, xuất bản năm 1995. Tác giả từng là Thanh-tra Hải-quân cho chính phủ Pháp ở Đông-Dương. Sau đó ông dạy học tại Trường Hải-quân ở Sài-Gòn và giảng dạy văn hóa Việt-Nam cho Chương trình Huấn luyện Đa Văn hoá tại Đại học Nam Florida.

Nội dung quyển sách bắt đầu từ thời kỳ thượng-cổ đến triều vua Tự-đức nhà Nguyễn khi đất Nam-kỳ thuộc về người Pháp.

Trong thời kỳ thượng-cổ, tác giả nói đến các nền văn hóa Hoà Bình, Bắc Sơn, Phùng Nguyên và Đông Sơn. Sau đó tác giả nói về thời đại Hồng Bàng và Thục An-dương-vương. Tác giả dành ra một số trang nói về các triều đại bên Trung-Hoa đồng thời lúc ấy, không quên nói về các vương quốc Chiêm-Thành, Phù-Nam, Thủy Chân-Lạp, Xiêm-La và Lào.

Trong thời kỳ tự chủ, tác giả kể rõ ràng những sự việc xảy ra từ khi Ngô Quyền lập ra nhà Ngô, đến các nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, đến khi nước Việt bị nhà Minh cai trị.

Sau khi Lê Lợi đuổi được quân Minh và lập ra nhà Lê, đến thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, vua Quang-Trung đánh đuổi quân Thanh.

Trong thời kỳ lịch sử nào của Việt-Nam, tác giả Oscar Chapuis cũng đều nói thêm về sự liên hệ của Trung-Hoa với Việt-Nam.

Nhắc đến thế kỷ thứ 17, tác giả thêm vào phần nói về sự giao thương với các nước Tây-phương, đặc biệt là với nước Pháp.

Chương cuối cùng nói về sự xâm chiếm của Pháp và các vua đầu nhà Nguyễn.

Điểm đặc biệt là sách nói về từng vị vua một trong mỗi triều đại, không khác gì một quyển sách giáo khoa dạy về lịch sử Việt-Nam cho trình độ phổ thông.

Dĩ nhiên là tên họ của các vua, của các nhân vật lịch sử và địa danh không có dấu tiếng Việt.

Sách khoảng 200 trang, không quá dày, và đủ để người đọc có thể hiểu biết sơ lược về lịch sử Việt-Nam.

Trong sách này, hầu như tất cả những nhân vật lịch sử quan trọng, danh tiếng trong lịch sử Việt-Nam đều được nhắc đến. Thí dụ như đời Trần thấy nói về tướng Trần Hưng Đạo, công chúa Huyền Trân, ông Chu Văn An. Đời Lê, có vụ án Lê Chi viên với Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ.

Tựu trung sách rất có ích cho thế hệ thanh thiếu niên sinh ra ở Hoa Kỳ mà không đọc được tiếng Việt có thể có kiến thức tổng quát về lịch sử Việt-Nam.

\*

Quyển sách sử thứ nhì mà chúng tôi muốn giới thiệu là quyển sách có tựa đề *The Birth of Vietnam* của tác giả Keith Weller Taylor, do University of California Press xuất bản năm 1983.

Tác giả Keith Taylor là Associate Professor of Vietnamese Studies tại Cornell University khi ông viết quyển sách này.

Nội dung của sách bắt đầu từ thế kỷ thứ 3 trước Tây-lịch đến thế kỷ thứ 10 Tây-lịch, tức là giai đoạn từ khi nước Việt buổi sơ khai được thành lập đến khi nước Việt dứt được sự cai trị của Trung-Hoa và bước vào thời kỳ tự chủ tức là thế kỷ thứ 10 khi Ngô Quyền lập ra nhà Ngô. Mục đích của tác giả muốn cho ta hiểu là chính những diễn tiến lịch sử trong giai đoạn sơ khai này đã giúp cho nước Việt chuyển mình để trở nên một nước tự chủ. Tác giả chia diễn tiến lịch sử này thành ra sáu giai đoạn.

Giai đoạn đầu tiên gọi là **thời kỳ Đông-sơn** hay **thời kỳ Lạc-việt**, khi mà người Trung-Hoa chưa cai trị nước Việt. Đây là giai đoạn của các vua Hùng thời Hồng-Bàng với tên nước là Văn-Lang. Biểu tượng văn hóa của thời kỳ Đông-sơn là các trống đồng Đông-sơn. Đây cũng là thời kỳ của những truyện truyền kỳ được ghi chép trong Lĩnh-nam Chí-ch-quái như truyện Phù-đồng Thiên-vương, Sơn-tinh Thủy-tinh, Đầm Nhất Dạ, v.v...

Giai đoạn thứ nhì tác giả gọi là **thời kỳ Hán-Việt**, lúc ấy quân Trung-Hoa sang chiếm nước Việt và lập ra một giới cầm quyền Việt-Hoa. Trong thời kỳ Hán-Việt này, vua Hán Vũ-đế (Trung-Hoa) sai Lộ Bác Đức chiếm nước Nam-Việt của nhà Triệu, dòng dõi Triệu Đà, đổi tên Nam-Việt ra Giao-chi-bộ và chia Giao-chi bộ thành 9 quận, trong đó có Giao-chi, Cửu-chân và Nhật-nam là những quận ở miền bắc nước Việt hiện nay. Các thái thú Trung-Hoa đem những phong tục và văn hóa Trung-Hoa dạy người Việt. Đây cũng là giai đoạn mà các triết lý Khổng, Phật, Lão xuất hiện trong xã hội nước Việt.

Giai đoạn thứ ba tác giả gọi là **thời kỳ Giao-Việt**, sau khi Hai Bà Trưng thất bại trong việc giữ nước chống lại nhà Đông-Hán. Trong thời kỳ Giao-Việt, Giao-chi đổi tên ra Giao-châu và Giao-châu trở thành trung tâm quan trọng về chính trị và văn hóa.

Giai đoạn thứ tư xảy ra trong thế kỷ thứ 6. Nhiều người Việt nổi lên chống lại sự cai trị của Trung-Hoa, trong đó có Bà Triệu, Lý Nam-đế, Triệu Việt-vương.

Giai đoạn thứ năm là **thời kỳ Đường-Việt**, nước Việt hoàn toàn bị ảnh hưởng của Trung-Hoa. Vua Đường Cao-tông chia đất Giao-châu ra làm 12 châu và đặt An-nam Đô-hộ-phủ. Nước Việt được gọi là An-Nam khởi đầu từ lúc này. Trong giai đoạn Đường-Việt, có cuộc nổi dậy của Mai Hắc-đế và Bố-Cái Đại-vương.

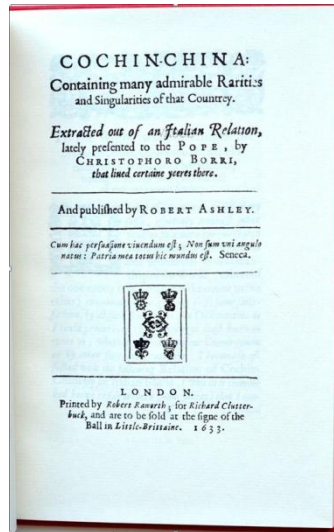
Thế kỷ thứ 10 là giai đoạn cuối, đến đây những người lãnh đạo Việt đã đặt được một biên giới chính trị giữa nước Việt và Trung-Hoa. Sự phân chia biên giới này đã đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử sau này của nước Việt.

Trong mỗi thời kỳ, tác giả Keith Taylor cho chúng ta thấy sự liên hệ của nước Việt với những nước lân bang như Nam-chiếu, Lâm-ấp.

Quyển *The Birth of Vietnam* có thể bổ túc cho quyển sách sử giới thiệu trên kia là quyển *A History of Vietnam* của Oscar Chapuis.

Trong quyển sử của Chapuis, tác giả nói rất vắn tắt về thời kỳ lập quốc, tức là từ thế kỷ thứ 10 trở về trước. Do đó, nếu đọc cả hai quyển *The Birth of Vietnam* và *A History of Vietnam* thì ta có thể có cái nhìn tổng quát khá đầy đủ về lịch sử Việt-Nam, ít nhất là đến hết triều vua Tự-đức.

\*



Tác giả viết về thời gian khoảng đầu thế kỷ thứ 17 ở miền Nam của nước Việt, có Christophoro Borri.

Quyển sách do Christophoro Borri viết được in năm 1633 tại London với đề tựa là *Cochin-China*, được tái bản năm 1970 tại Amsterdam và New York.

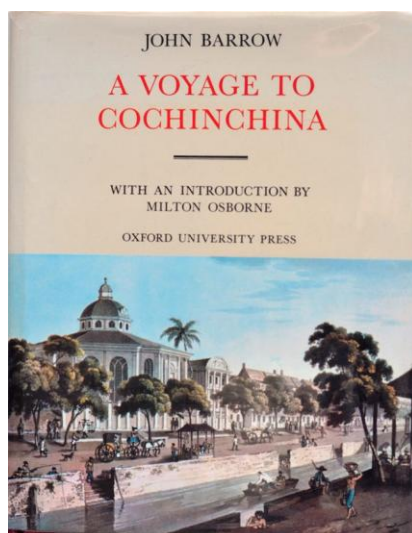
Nội dung của sách nói về phần đất phía Nam nước Việt trong cuộc Nam-tiến của các chúa Nguyễn tức là Đàng Trong. Sách tả về khí hậu, đất đai, thú rừng voi và tê giác, cách sống, phong tục, cách ăn mặc, thuốc men của người miền Nam. Sách cũng nói đến chính trị và nền hành chính của Xứ Đàng Trong, giặc giã trong xứ, về các thành phố thương mại, hải cảng và Hội-an mà thời đó có tên gọi là Faifo.

Ở đây chúng tôi xin phép mở ngoặc để nói đến cái tên 'Cochin-China'. Khởi đầu tiếng Mã-lai phiên âm chữ Giao-chi là Kuchi để nói về toàn thể nước Việt. Những thương gia Bồ-đào-nha thế kỷ thứ 16 gọi là 'Cochin-China' để phân biệt với tỉnh 'Cochin' của Ấn-độ lúc ấy. Thời kỳ thuộc Pháp thế kỷ thứ 19-20, người Pháp gọi phần đất miền Nam của Việt-Nam là Cochinchine.

Các quyển sử *The Birth of Vietnam*, *A History of Vietnam* và *Cochin-China* nói ở trên đều không nói đến thời kỳ lịch sử cận đại, kể từ đầu thế kỷ thứ 19.

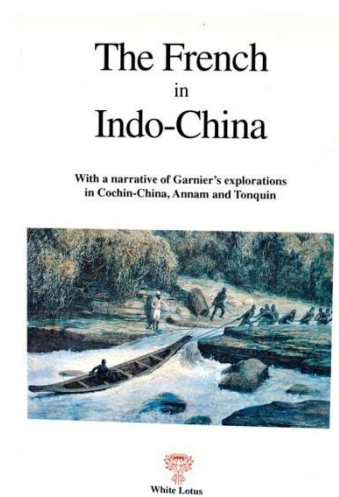
Nếu những sách sử viết trước thế kỷ thứ 19 rất hiếm hoi, thì may mắn thay, những sách sử trong giai đoạn từ thế kỷ thứ 19 trở đi được nhiều người ngoại quốc biên khảo, tiếng Anh cũng có và tiếng Pháp thì rất nhiều. Những sách sử Việt bằng tiếng Pháp có thể tìm thấy trong thư viện Bibliothèque Nationale de France ở Paris và trong một số thư viện của Đại-học Hoa-Kỳ. Những sách sử bằng tiếng Anh có thể tìm được trong các thư viện của nhiều Đại-học Hoa-Kỳ hoặc bán qua các nhà sách.

\*



Đầu thế kỷ thứ 19, Sir John Barrow trên con đường du hành vì công vụ đã đi qua Việt-Nam và viết về Việt-Nam với tựa đề *A Voyage to Cochin-China*. Trong sách có những hình ảnh rất dân dã của Việt-Nam, - mà là hình vẽ tay - về một buổi diễn kịch, một buổi họp mặt, cảnh hải cảng Tourane (Đà-Nẵng), cách cúng tế thần linh của người Việt thời buổi ấy. Ngoài ra, tác giả còn kể tỉ mỉ về cách ăn mặc của người dân thời ấy, những món ăn, những chữ dùng hằng ngày, cách làm ăn với người ngoại quốc.

\*

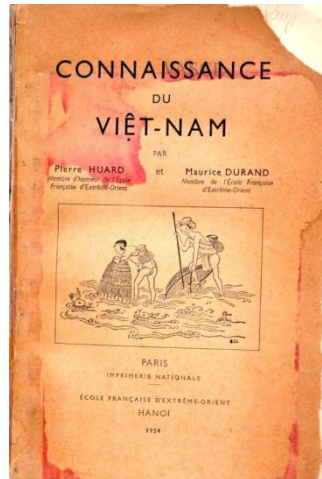


Năm 1994, nhà phát hành White Lotus cho in lại quyển sách *The French in Indochina*, đã xuất bản lần đầu năm 1884, nghĩa là năm mà Việt-Nam ký Hòa-ước Patenôtre với người Pháp. Sách ghi lại chuyện đi dọc theo sông Cửu-Long của ba người Pháp, Lieutenant Garnier, Bác sĩ Morice và Henri Mouhot. Những điều mô tả trong sách cho ta thấy người Việt-Nam trong khoảng thời gian hậu bán thế kỷ thứ 19 sống như thế nào. Lúc ấy máy chụp hình chưa phổ thông nên họ ghi lại bằng tranh vẽ tay khá trung thực một số hình ảnh về người và phong cảnh.

Chúng tôi xin mở ngoặc để nói về Francis Garnier là Đại-úy Hải-quân của Pháp, đã theo lệnh của Thiếu-tướng De Lagrandière đem quân ra vây thành Hà-Nội năm 1873 khiến cho vị quan giữ thành là

Nguyễn Tri Phương phải tự tận và phò mã Nguyễn Lâm tử trận. Nhưng không bao lâu sau đó, Garnier bị quân Cờ Đen phục kích giết chết.

\*



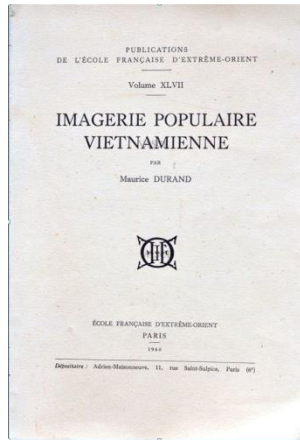
Năm 1954, Bác sĩ Pierre Huard và học giả Maurice Durand - một người có hai dòng máu Pháp và Việt – đã biên soạn quyển *Connaissance du Viet-Nam*. Sách đã được Trường Viễn-đông Bác-cổ ấn hành năm 1954. Ngày nay sách được dịch sang tiếng Anh với tựa là *Viet-Nam, Civilization and Culture*.

Nội dung của sách gồm có nhiều chương trong đó nói về những phương diện khác nhau như sau:

1. Lịch sử sơ lược của Việt-Nam
2. Nguồn gốc và những đặc điểm của văn hóa Việt-Nam
3. Đời sống tinh thần
4. Lễ hội
5. Luật pháp
6. Thức ăn uống
7. Nhà cửa
8. Phương tiện giao thông
9. Giải trí, âm nhạc, văn chương

Trong sách có rất nhiều những hình ảnh vẽ những đồ dùng và sinh hoạt của người Việt-Nam vào tiền bán thế kỷ thứ 20. Quyển sách này bổ túc cho những sách sử khác của Việt-Nam ở chỗ có nhiều hình ảnh, giúp cho người đọc hình dung ra được đời sống của người Việt chúng ta thời xưa như thế nào. Thí dụ như khi nói về Việt-Nam, chúng ta biết Việt-Nam là một xứ mưa nhiều. Khi trời mưa người dân mặc áo che mưa ra sao ? Ở Việt-Nam ngày xưa chúng ta nghe nói là có áo toi để che mưa, nhờ hình vẽ trong quyển *Connaissance du Viet-Nam* chúng ta mới biết áo toi như thế nào. Vì ngày nay hầu như không còn thấy ai mặc thứ áo toi như vậy nữa.

\*



Học giả Maurice Durand đã thực hiện quyển *Imagerie Populaire Vietnamiennne*, được Trường Viễn-đông Bác-cổ ở Paris cho ấn hành năm 1960. Sách viết bằng tiếng Pháp và chúng tôi chưa thấy có bản dịch sang tiếng Anh. Tuy không phải là một quyển sách sử nhưng tác giả gom tất cả những bức tranh dân gian có từ trước với những chú thích của tác giả giúp bổ túc cho những sách sử khác. Phần chú thích này cần thiết vì có nhiều câu chữ Nôm trên tranh mà những bức tranh dân gian hiện đại không in những chữ nôm như những tranh dân gian ngày xưa. Lý do là ngày nay không còn mấy ai đọc được chữ Nôm, cho nên khi in lại các tranh dân gian người ta đã bỏ đi những chữ Nôm trên tranh. Lại thêm một điều nữa là chữ Nôm từ chữ Hán mà ra nên khi để chữ Nôm trên tranh dân gian, người không hiểu biết sẽ nghĩ đây là bức tranh Trung-Hoa vì có chữ Hán.

Các tranh dân gian gom lại trong quyển *Imagerie Populaire Vietnamiennne* của Maurice Durand rất phong phú. Không phải chỉ là những bức tranh lợn tranh gà hay là tranh Tết mà chúng ta thường thấy bán ngày nay mà còn có rất nhiều những bức tranh có nội dung phong phú nói về việc làm ruộng, lễ hội, tục ngữ ca dao, tứ bình, truyện Kiều, v.v...

Tuy nhiên, những tranh in lại cũng như những hình vẽ trong các quyển sách đã kể vẫn là những hình đen trắng, hy vọng là trong tương lai rồi đây chúng ta sẽ có một quyển sách sử hay là văn hóa với những hình ảnh màu đúng với sự thực.

Ở đây chúng tôi lại xin mở ngoặc để nói về việc dùng màu cho đúng là vì ở Việt-Nam ngày xưa màu sắc là từ thiên nhiên cây cỏ mà ra. Do đó, quần áo mặc hay là tranh dân gian bao giờ cũng dùng màu sắc của thiên nhiên cây cỏ Việt-Nam. Nếu những bức tranh dân gian cần được tô màu thì chúng ta nên cẩn thận tìm hiểu kỹ những màu sắc được dùng ngày xưa để tô màu.

Có lúc tôi đã thấy có những bức tranh tô màu quần áo dân chúng mặc là màu vàng, một màu vàng rất tươi. Theo phong tục ngày xưa, màu vàng chỉ dùng cho nhà vua, người dân không được dùng màu vàng. Thêm nữa, người dân làm việc vất vả tay lấm chân bùn nên họ thường mặc áo quần màu nâu chứ họ không mặc màu vàng. Trong tục ngữ Việt-Nam có câu thành ngữ ‘ăn trắng mặc trơn’ để chỉ những người trong giới quyền quý, đài các, không phải làm việc cực nhọc, chân lấm tay bùn nên mới có thể ăn mặc màu nhạt và vải trơn như tơ lụa. Chúng ta có thể tìm lại màu sắc của đồ dùng và y phục người Việt xưa trong các tranh dân gian cổ và trong quyển sách của John Barrow là một quyển sách có hình vẽ và có màu.

\*

Viết về giai đoạn lịch sử Việt-Nam là đất thuộc-địa và bảo-hộ của Pháp tức là vào cuối thế kỷ thứ 19 đầu thế kỷ thứ 20, độc giả có thể tìm đọc quyển *French Colonialism 1871-1914* của tác giả Henri



Brunschwig xuất bản năm 1964 để hiểu lý do tại sao người Pháp đi chiếm đất làm thuộc địa. Có nhiều lý do khiến người Pháp đến chiếm Việt-Nam làm thuộc địa: lý do đầu tiên là để bảo vệ đạo Thiên-chúa, rồi lý do chính trị, lý do chiến lược, lý do kinh tế là lý do mạnh nhất, và cuối cùng là lý do nhân đạo mà họ gọi là sứ mệnh khai hóa.

\*

Một luận án của tác giả Joanne Marie Coyle soạn năm 1963 với đề tài *Indochinese Administration and Education: French Policy and Practice* cho ta hiểu hơn về nền hành chính và chính sách giáo dục của người Pháp tại Đông-dương.

\*

Năm 1993, quyển sách với tựa đề *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680* do ông Anthony Reid biên soạn đã được Yale University Press ấn hành. Anthony Reid là Giáo sư môn Lịch sử Đông-nam Á tại Đại-học Australian National University. Sách gồm hai quyển: quyển thứ nhất tìm hiểu về cấu trúc hình thể, vật chất, văn hóa và xã hội của những quốc gia trong vùng Đông-nam Á; quyển thứ hai chú trọng đến những sự thay đổi trong việc giao thương vùng Đông-nam Á.

Nói về tục lệ ăn trầu rất phổ thông trong vùng Đông-nam-Á vào thế kỷ thứ 15, Giáo sư Anthony Reid đã cho biết là người dân vùng Đông-nam-Á luôn luôn nhai trầu. “Ở Nam-kỳ (Cochin-China), nhà hay nơi làm việc đều thấy những miếng trầu đã được xếp và đặt trong hộp. Người ta nhai trầu suốt ngày, không những trong nhà, mà ra ngoài đường phố, ngay cả khi nói chuyện, ở mọi nơi và mọi lúc”. (Borri).

Đối với người du hành, một túi đựng trầu quan trọng hơn cả thức ăn vì giúp chống lại cơn đói và mệt nhọc. Trong những buổi gặp gỡ, miếng trầu có vị trí không khác gì trà, cà phê, rượu, và thuốc lá ngày nay. Khi gặp nhau, người ta mời nhau miếng trầu và cùng nhau nhai trầu. Cơi trầu là một trong những vật dụng cần thiết trong mọi gia đình.

Tục ngữ chúng ta đã có câu ‘*Miếng trầu là đầu câu chuyện*’ là thế.

Ngoài ra còn có bài ca dao như sau:

‘*Sớm ngày em đi hái dâu,  
Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch bàn.  
Hai anh đứng dậy hỏi han,  
Hỏi rằng: Cô ấy vội vàng đi đâu ?  
Thua rằng: Tôi đi hái dâu,  
Hai anh mở túi đưa trầu cho ăn.  
Trình rằng: Bác mẹ đã răn,  
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*’

Trong sách *Southeast Asia in the Age of Commerce* tập 1 còn nói về phong tục nhuộm răng cho đen của những người dân vùng Đông-nam-Á mà trong đó có dân Việt. Người ta nhuộm răng đen bằng một chất phẩm. Nhai trầu càng làm cho màu đen của răng thêm bóng.

Việc thương mại trong vùng Đông-nam-Á được biên khảo trong tập 2 chính là trọng tâm của quyển sách. Giáo sư Anthony Reid đã cho thấy sự quan trọng của thương mại trong thời kỳ này của Âu-châu, Á-châu như Trung-Hoa, Nhật-Bản, Ấn-Độ với các nước trong vùng Đông-nam-Á. Những trung tâm thương mại trong thời kỳ này là các thành phố Á-châu như Pegu, Ayutthaya, Pnompenh, Hoi An (Faifo), Brunei, Pasai, Makassar, v.v...

Mặc dù người ta hay nói đến gia vị (spice) là món hàng thông dụng buôn từ Á-châu, những món hàng công kênh như gạo, muối, cá khô, vải vóc, vật dụng bằng kim loại thường tràn ngập các chuyến tàu buôn hàng.

Quyển sách này còn nhiều phần nói về Việt-Nam trong giai đoạn lịch sử của thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ thứ 17.

### **Những tài liệu lịch sử viết bằng tiếng Pháp –**

Ngoài những sách tiếng Pháp đã kể ở trên, số lượng sách nghiên cứu về Việt-Nam viết bằng tiếng Pháp rất nhiều nhất là vào khoảng thế kỷ thứ 19, khi nước Pháp bắt đầu để ý đến Việt-Nam và trong giai đoạn đầu khi nước Pháp xâm chiếm miền Nam làm thuộc địa, nhiều người Pháp đã tìm hiểu và biên khảo về lịch sử, phong tục, chính trị, tôn giáo của Việt-Nam.

Trong buổi đầu của việc chiếm thuộc địa, các công chức và sĩ quan Pháp đã gián tiếp hoặc trực tiếp chứng kiến hoặc tham dự vào các biến cố ở Việt-Nam. Các bài khảo luận của họ được in trong các tập tùng-thư như tập *Excursions et Reconnaissance* (Du-thám kỹ-yếu), hay là tập *Revue Indochinoise* (Đông-Pháp tạp-chí), hay là sách *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême-Orient* (Biên-tập của trường Viễn-đông Bác-cổ).

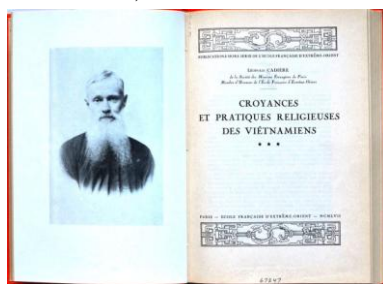
Aubaret là người giỏi chữ Hán, từng đứng đầu phái đoàn phiên dịch trợ lực sứ đoàn Phan Thanh Giản sang yết kiến vua Napoléon III thương thuyết việc chuộc ba tỉnh miền đông xứ Nam-kỳ. Aubaret soạn một bộ văn phạm Việt-Nam và dịch một phần bộ *Gia-định thông-chí* của Trịnh Hoài Đức ra tiếng Pháp.

Trong những sách khảo cứu về chính trị xã hội Việt-Nam đời xưa, có sách của Luro và những bài mà Luro soạn để dạy ở Collège des Stagiaires vào hậu bán thế kỷ thứ 19.

Khảo về pháp luật Việt-Nam, Philastre dịch bộ *Hoàng-Việt luật-lệ* (người mình thường gọi là luật Gia-Long) và Silvestre làm sách tổng luận về ý nghĩa luật Việt-Nam gồm những bài giảng thuyết tại Ecole libre des Sciences politiques ở Paris.

Léopold-Michel Cadière (1869 – 1955) thuộc dòng truyền giáo Société des Missions Etrangères de Paris. Ông sống gần như cả cuộc đời ở Việt-Nam, trong khoảng 60 năm, từ khi đặt chân đến Trung-kỳ năm 1892 đến khi mất tại Huế năm 1955. Trong thời gian được bổ nhiệm dạy học tại Ecole Pellerin tại Huế, từ năm 1913 đến năm 1918, cha Cadière thành lập hội Association des Amis du vieux Hué (Đô-thành hiếu-cổ-xã). Tập san của hội, *Bulletin des Amis du vieux Hué* (1914 – 1923) là chứng tích cho công việc khảo cứu lịch sử của cha Cadière và những người cộng sự.

Ông còn để lại những nghiên cứu về tín ngưỡng ở Việt-Nam được in lại dưới tựa đề *Croyances et Pratiques religieuses des Viêtamiens* (1944 – 1956).





Năm 1896, Boissière viết một bài tham luận về chính sách nước Pháp đối với nước Việt, nhan đề “*Société annamite et la politique française*” đăng trong quyển *L’Indochine avec les Français* của tác giả. Boissière nói đến tổ chức xã hội của người Việt với gia đình và làng xã là những đơn vị cơ bản và quan trọng. Ông đề nghị không nên làm xáo trộn đời sống của họ vì dân Việt là một dân tộc hiền hòa.

Đại-úy Gosselin, một chứng nhân của cuộc xâm chiếm thuộc địa ở Việt-Nam, đã nói lên những suy nghĩ của ông trong tác phẩm *L’Empire d’Annam* (1904). Tác giả dành cả một chương đặc biệt để nói về các cuộc khởi nghĩa ở Việt-Nam từ 1885 đến 1886 và không giấu thiện cảm của ông đối với dân Việt.

Ở Nam-kỳ có Abel des Michels dịch truyện *Kim-Vân-Kiều* (Publications de l’Ecole des Langues Orientales Vivantes, Paris 1884 – 1885), dịch thơ và truyện *Lục-Vân-Tiên* (*Les Poèmes de l’Annam – Luc Vân Tiên ca diên*, Paris, 1883), dịch *Khâm-định Việt-sử* (1923).

Eugène Bajot, một giáo sư dạy tại trường Chasseloup-Laubat (Sài-Gòn) cũng dịch truyện *Lục-Vân-Tiên* (*Histoire du grandlettré “Louc-véan-Téian”*, Paris, 1887).

Ngoài ra, có Landes dịch truyện *Nhị-Độ-Mai*, Georges Cordier dịch *Bích-câu-kỳ-ngộ* (*Revue indochinoise*, 1919).

Dumoutier, người đầu tiên làm chức Học-chánh ở Bắc-kỳ, được giao việc tổ chức các trường Pháp-Việt đầu tiên, trước thuật rất nhiều: khảo về tiếng Việt, chữ nho; phong tục; tôn giáo; cổ tích; bách nghệ, v.v... của Việt-Nam.

Léonard Arousseau viết bài *Khảo về cội rễ dân An-nam*, in trong tạp chí trường Bác-cổ Hà-Nội (quyển XXIII, năm 1923). Arousseau là giáo-thụ ở trường Bác-cổ, kiêm giảng khoa Hán-văn và Nam-sử ở trường Cao-đẳng Hà-Nội.

Tổng luận về các phong tục và chế độ chính trị của Việt-Nam trước thời Pháp-thuộc có sách *L’Annam d’autrefois* của Khâm-sứ Hué Pierre Pasquier.

Tả chân phong tục tính tình người Việt có sách *Les chanteurs ambulants* (Bọn hát rong) của Boissière và tiểu thuyết *De la rizière à la montagne* (Từ đồng bằng lên mạn ngược, 1920) của Jean Marquet. Sách của Marquet được giải thưởng của Bộ Thuộc-địa và Hội Văn-sĩ nước Pháp. Marquet làm công chức Sở Thương-chính và đã từng chứng kiến cảnh thương tâm của người dân quê Bắc-kỳ bị bắt vì rượu lậu. Sách tả tình cảnh một người nhà quê vì bị vu cáo nấu rượu lậu, nên bị tù hết nơi này đến nơi khác, kết cuộc lên làm phu mỏ trên mạn ngược và chết ở đó.

Sau khi nền hành chánh được ổn định, số sách báo khảo cứu ít đi, nhưng lại có những sách có giá trị đặc biệt.

Sau mười lăm năm khảo cứu sử Việt, Charles B. Maybon hoàn tất quyển sách sử về Việt-Nam tựa đề *Histoire moderne du Pays d’Annam (1592 – 1820)*. Sách được đệ trình tại Đại-học Paris để thi lấy bằng Văn-khoa Tiến-sĩ. Sách được Hội-đồng Đại-học Paris thừa nhận trúng cách và được Academie des Inscriptions et Belles Lettres trao phần thưởng.

*Histoire moderne du Pays d’Annam* (Việt-Nam Cận-cổ-sử) viết về lịch sử nước Việt từ năm 1592 đến năm 1820, nghĩa là từ thời Lê Trung-hung cho đến hết triều Gia-Long. Tác giả Charles B. Maybon, khi trước đã dạy học ở trường Viễn-đông Bác-cổ Hà-Nội, sau làm Đốc-học trường Pháp-Hoa ở Thượng-Hải. Maybon có soạn với Russier quyển sách giáo khoa *Notions d’Histoire d’Annam*, được dùng để dạy trong các trường Pháp-Việt.

Le Breton, cử-nhân khoa cách-trí (khoa-học), trong thời gian làm Đốc-học Thanh-Hóa, kê cứu lịch sử chốn danh đô, soạn quyển *Les Hommes Illustrés de Thanh-Hóa* (Thanh-Hóa Nhân-vật-chí). Trong sách chia ra từng mục như mục về bậc sử thần, các đời vua khai sáng, các danh nhân lịch triều, v.v...

Cố Thịnh (Père Fr. Chaize) soạn sách *Thực-vật (Botanique)* và *Nhân-loại thân-thể (Anatomie et Physiologie de l’Homme)*, in năm 1911. Sách có hình vẽ rõ ràng, sắp đặt cẩn thận và có kèm tập Tự-vựng

trong đó có các danh từ chữ Pháp dịch ra tiếng Việt thông dụng ngày nay như vị toan (suc gastrique), tì vị, thần kinh, huyết quản, ...

Cố Thi (Père Souvignet) xuất bản sách khảo về cội rễ tiếng Việt: *Les Origines de la langue annamite*, 1920. Tác giả tìm hiểu sự thay đổi và ảnh hưởng của ngoại ngữ đối với tiếng Việt (tiếng Tàu, tiếng Mã-Lai, Tày, Mên, Tagal, những tiếng ở Ấn-Độ và quần đảo Nam-Dương).

Sống với các dân tộc ở thượng-du lâu ngày, Cố Savina xuất bản quyển *Histoire des Miao* khảo cứu về giống thổ dân ở thượng-du Bắc-kỳ, Vân-Nam và Thượng-Lào, nói rõ về cội rễ, tiếng nói, phong tục, v.v... của giống dân đó. Cố Savina cũng xuất bản một quyển tự điển ba thứ tiếng Pháp, Nùng và Tàu (*Dictionnaire Etymologique Francais-Nung-Chinois*).

Nữ sĩ Pháp Jeanne Duclos-Salesses cộng tác với các báo địa phương như Nam Phong, Le Moniteur d'Indochine, Extrême-Asie, và viết nhiều tiểu thuyết về Đông-Dương: *Jeannou la tonkinoise*, *La danse du petit dieu*, *Qui se joue dans le vent*, ...

René Crayssac, lấy biệt hiệu là Mặt-trắng tiên-sinh, vừa là quan cai-trị (administrateur des Services civils) ở Nam-Định, vừa là một văn sĩ. Ông hiểu biết đời sống trong xã hội Việt-Nam nên làm bài thơ *Kiếp le Lettré* (Thầy đồ Kiếp), dịch truyện Kiều ra tiếng Pháp và làm bài thơ luật (sonnet) vịnh Kim Trọng và Kiều (*Kim et Kiều*). Crayssac từng diễn thuyết ở Hội Khai-trí, so sánh những điểm khác nhau trong văn chương hai nước Pháp và Việt qua tựa đề *La Plume et le Pinceau*.

Vayrac, một viên quan cai-trị ngạch Đông-Pháp, đã soạn quyển *La leçon de Rabelais et de son époque* (Bài học của Rabelais và của thời đại ông) với ý định công hiến cho dân Việt kinh nghiệm của nhà văn Pháp Rabelais ở tiền bán thế kỷ thứ 16. Vayrac nhận thấy thời đại Rabelais sống là lúc nước Pháp vừa ra khỏi thời trung-cổ, những người như Rabelais có ý định cải tạo xã hội đã phải bắt đầu như thế nào để đóng góp vào việc gây dựng nền văn minh mới cho nước Pháp.

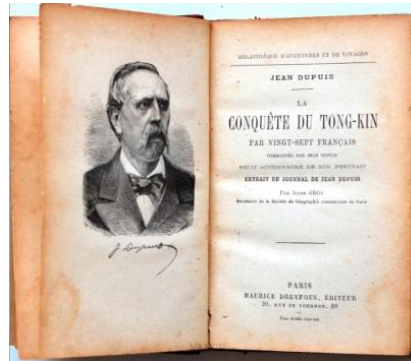
Vayrac cho rằng mọi dân tộc đều phải chú trọng đến khoa học vì khoa học sẽ là nền gốc chung cho các nền văn minh sau này. Một dân tộc muốn có được bí quyết cho sự giàu mạnh của Âu Tây phải tập được tinh thần khoa học. Ai tập được tinh thần khoa học thì tâm trí cũng thay đổi, ham hiểu biết, tìm tòi, quan sát đến nơi đến chốn. Làm việc một cách khoa học, người ta sẽ “tập quen suy nghĩ, trọng sự đích xác, sự hợp lẽ, tôn phục trí khôn và lẽ phải.” Kết quả đạt được nhờ tinh thần khoa học là sự trật tự, kỷ luật, phép tắc. Tinh thần khoa học và trí thực tế sẽ giúp cho người Việt tránh khỏi những sự mơ tưởng hão huyền.

Vayrac khuyên người Việt: “Muốn làm một dân-tộc lớn, không phải cứ tưởng-vọng những sự mơ-màng, hay tự-phụ những điều quá-đáng mà được đâu; phải có học-vấn, phải có lịch-duyet, phải có công-đức mới được; cốt nhất là phải có cái trí-thức thông-thường, biết phân biệt lẽ phải lẽ trái, điều dở điều hay.” (Nam-Phong, Juillet 1929)

Ngoài ra, còn có những sách sau đây:

\* *La conquête du Tong-kin* của Jean Dupuis

Trang đầu tiên của sách này (xin xem hình chụp kèm theo) có ghi như sau:



BIBLIOTHÈQUE D'AVENTURES ET DE VOYAGES

---

JEAN DUPUIS

LA  
CONQUÊTE DU TONG-KIN

PAR VINGT-SEPT FRANÇAIS  
Commandés par Jean Dupuis

RÉCIT ACCOMPAGNÉ DE SON PORTRAIT

EXTRAIT DU JOURNAL DE JEAN DUPUIS

Par Jules GROS

Secrétaire de la Société de Géographie commerciale de Paris

---

PARIS  
MAURICE DREYFOUS, ÉDITEUR  
20, RUE DE TOURNON, 20

---

Tous droits réservés



Quyển sách này ghi chép những tài liệu thu thập về Đông-Dương từ khi người Pháp đến lập thuộc địa ở nơi này để triển lãm trong Exposition Universelle năm 1900 về các thuộc-địa của Pháp. Trong những trang đầu tiên, có ghi lại phần quần thể kiến trúc về Đông-Dương tại Exposition Universelle 1900.

1. **Le Palais des Produits** (Cung-điện Sản-phẩm), xây theo kiểu một ngôi chùa lớn trong Chợ-Lớn (Nam-Kỳ), là nơi thu nhận các sản phẩm nông nghiệp và kỹ nghệ của toàn vùng Đông-Dương, gồm có Tonkin (Bắc-kỳ), Annam (Trung-kỳ), Cochinchine (Nam-kỳ), Ai-Lao, Căm-Bốt, và Quảng-châu-quan (Kouang-Tchéou-Ouan) của Trung-Hoa mà Pháp đặt làm thuộc địa và thuộc quyền cai trị của chính phủ Toàn-quyền Đông-Dương từ tháng Giêng năm 1899. Quảng-châu-quan được xem như là Hương-Cảng của Pháp vì Pháp muốn dùng Quảng-châu-quan như một hải cảng, nhưng việc xây dựng bến tàu rất chậm, mãi đến hai mươi, ba mươi năm sau mới thành hình.

Các sản phẩm chính được trưng bày gồm có:

Các loại gạo, rượu đế (làm từ gạo), trà, cà-phê, tiêu, cacao, mật ong, mía, sản phẩm bằng tre trúc, tơ lụa, vải bông, sáp, dầu lạc, dầu dừa, dầu cá, dầu ricin, hạt cau, ngà, sợi gai và các loại cây kỹ nghệ khác nhau, vải vóc, vật liệu xây cất, sơn, đồ nung, gốm, thuốc phiện, thuốc lào, diêm, cá muối, nước mắm, xà cừ, vỏ ốc, khí giới, bạc, da thuộc, thau, than, nhạc cụ, xe, kiệu, ghe, lông, v.v...

Trong cung điện này còn có những kiểu mẫu cầu cống bằng sắt và những tác phẩm nghệ thuật của Đông-Dương, do Toàn-quyền đặt làm tại Pháp. Trên tường có những bức vẽ các thành phố lớn của Đông-Dương: *Saigon, Hanoi, Hué* và *Pnôm-Penh*. Ngoài ra còn có hai bức họa lớn: một bức vẽ tiến trình sự chiếm đóng Đông-Dương, bức kia vẽ sự phân phối những sản phẩm kinh tế, đường xá giao thông, v.v...

2. **Le Palais des Arts** (Cung-điện Nghệ-thuật) làm theo mô hình thành Cổ-Loa (Bắc-kỳ). Nơi đây có trưng bày: tranh ảnh, sách vẽ hình, tranh vẽ, màu vẽ, ô dù, quạt, bình phong, lụa, đồ thêu, bàn ghế, đồ sơn mài, chạm trổ và khảm xà cừ, đồ sứ, đồ làm bằng vàng, bạc, thau, đồng, mỹ phẩm, ngà voi, v.v...

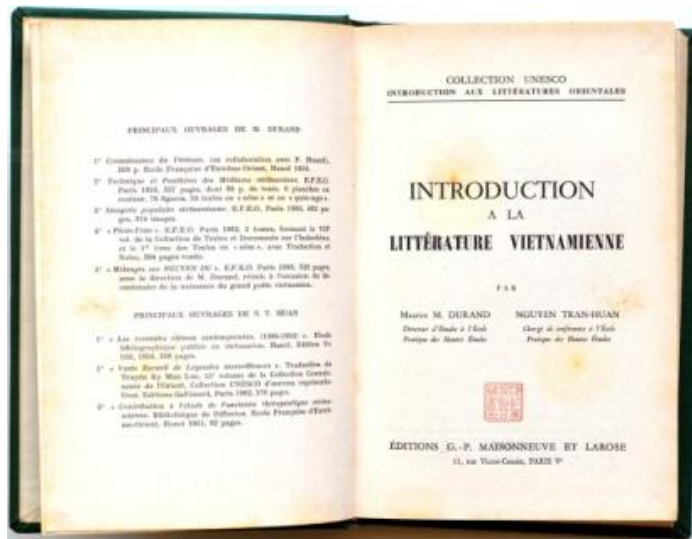
3. **Le pavillon des forêts** là kiến trúc bất chước một ngôi nhà giàu tại Thủ-dầu-một (Nam-kỳ), trong đó trưng bày các lâm sản khắp các vùng Đông-Dương: tre, mây, gỗ, cẩm lai, dầu, sao, ... các vật dụng đi câu, đi săn, bẫy thú, da thú, sừng, ...
4. **Le Pnôm et La Pagode des Buddhas**, tạo dựng theo kiến trúc Căm-Bốt, xây dưới lòng đất thành một hang động. Trong hang, dựng những cây cột trang trí theo kiểu các đình đền Brahma và Phật-giáo của người Khmer. Bên trong hang, có thực hiện những cảnh trí của khắp vùng Đông-Dương: phố Catinat ở Sài-gòn; bờ sông Cửu-Long ở Mỹ-Tho; lăng Tự-Đức ở Huế; vịnh Hạ-Long và một nhịp cầu Pont-Doumer ở Hà-Nội. Có cuốn phim trình chiếu đời sống ở Đông-Dương rất sống động.  
Ngoài ra, còn trưng bày những hình ảnh biểu tượng cho đời sống tín ngưỡng của người dân: những xóm nhà, chùa chiền, những vật dụng mỹ thuật có tính cách tôn giáo: nhân vật Phật-giáo và Brahma, tượng, lư hương, trầm hương, bàn thờ, các kiểu chùa, nển, câu đối, và những vật dụng thờ phụng của các tín ngưỡng khác nhau tại Đông-Dương.
5. **Le Théâtre Indo-Chinois**, trình bày cảnh diễn xuất của đoàn vũ Căm-Bốt trong triều đình vua Norodom và những cảnh trình diễn của các đoàn hát tại triều đình Huế.

Những chương tiếp theo của quyển sách này giới thiệu đại cương về Đông-Dương:

1. - Lịch sử toát yếu, nói về Việt-Nam kể từ khi có liên hệ với người Pháp.
2. - Địa lý đại cương của Đông-Dương.
3. - Khí hậu, đời sống, dân chúng, ngôn ngữ, tín ngưỡng, sản xuất, thú vật, cây cỏ, hầm mỏ.
4. - Yếu tố kinh tế của Đông-Dương, giao thông, hải cảng, đê điều, đường xá, đường sắt, điện tín, đường hàng hải.
5. - Thực hiện việc phát triển thuộc địa, nông nghiệp, tư bản, các loại hoa màu.
6. - Thương mại, nhập cảng, xuất cảng, kỹ nghệ.
7. - Tài chính, ngân sách, vay mượn 200 triệu, tiền bạc.
8. - Chính phủ toàn-quyền Đông-Dương và các cơ quan trong chính phủ.

Trong sách có rất nhiều hình chụp các sự sinh hoạt và cảnh ở Việt-Nam và hai nước Ai-Lao và Căm-Bốt.

\* Introduction à la Littérature Vietnamienne



Trang bên trái giới thiệu những tác phẩm chính yếu của hai tác giả.

PRINCIPAUX OUVRAGES DE M. DURAND

1. – *Connaissance du Vietnam*, (en collaboration avec P. Huard), 358p. Ecole Française d'Extrême Orient, Hanoi 1954.
2. – *Technique et Panthéon des Médiûms vietnamiens*. E.F.E.O. Paris 1959, 327 pages, don't 68 p. de texte, 8 planches en couleur, 76 figures, 24 textes en “nôm” et en “quôc-ngu”.
3. – *Imagerie populaire vietnamienne*. E.F.E.O. Paris 1960, 492 pages, 314 images.
4. – “Phan-Trân”. E.F.E.O. Paris 1962, 2 tomes, formant le VIIe vol. de la Collection de Textes et Documents sur l'Indochine, et le 1er tome des Textes en “nôm”, avec Traduction et Notes, 394 pages ronéo.
5. – “Mélanges sur NGUYEN DU”. E.F.E.O. Paris 1966, 322 pages, sous la direction de M. Durand, réunis à l'occasion du bicentenaire de la naissance du grand poète vietnamien.

PRINCIPAUX OUVRAGES DE N.T. HUAN

1. – “*Les écrivains chinois contemporains. (1900-1950)*.” Etude bibliographique publiée en vietnamien, Hanoi, Edition Vo Dât, 1954, 308 pages.
2. – “*Vaste Recueil de légendes merveilleuses*”. Traduction du Truyên Ky Man Luc, 15e volume de la Collection Connaissance de l'Orient, Collection UNESCO d'oeuvres représentatives. Editions Gallimard, Paris 1962, 276 pages.
3. – “*Contribution à l'étude de l'ancienne thérapeutique vietnamienne*”. Bibliothèque de Diffusion. Ecole Française d'Extrême-Orient, Hanoi 1951, 92 pages.



Trang bên phải:

COLLECTION UNESCO  
INTRODUCTION AUX LITTÉRATURES ORIENTALES

---

## INTRODUCTION

A LA

## LITTÉRATURE VIETNAMIENNE

PAR

Maurice M. DURAND  
Directeur d'Études à l'École  
Pratique des Hautes Études

NGUYEN TRAN-HUAN  
Chargé de conférences à l'École  
Pratique des hautes Études

ÉDITIONS G. – P. MAISONNEUVE ET LAROSE  
11, Rue Victor-Cousin, PARIS Ve

© G.P. MAISONNEUVE ET LAROSE ET UNESCO 1969.

Nội dung của sách *Introduction à la Littérature Vietnamienne* như sau:

1. Đại cương
2. Văn chương bình dân
3. Thơ văn trước Nguyễn Trãi
4. Nguyễn Trãi và Quốc-âm thi-tập
5. Lê Thánh-tông và Hồng-đức quốc-âm thi-tập
6. Thế kỷ thứ 16 và Nguyễn Bình Khiêm
7. Thế kỷ thứ 17 và 18. Phát triển và thành quả của thơ văn bằng văn *nôm*
8. Kim Vân Kiều và truyện bằng văn vần
9. Thế kỷ thứ 19: sự thành công của truyện bằng văn vần; sự nổi bật của nữ thi sĩ Hồ Xuân-Hương; sự nở rộ của các nhà thơ viết bằng chữ *nôm*
10. Văn chương Việt-Nam thế kỷ thứ 20
11. Báo chí tại Việt-Nam
12. Thơ Mới, 1932-1962
13. Tiểu thuyết Việt-Nam hiện đại 1925-1945
14. Thư mục
15. Phụ lục
16. Danh mục các tác giả
17. Mục lục

